

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-6-2018.

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Ngọc Sương**

Ông Nguyễn Văn Cảnh

-Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Huy Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phùng Đức Nam**.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều A**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tuan M**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 42812 Shaley St, S Riding A 20152, USA.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A trình bày:

Đầu năm 2007, chị và anh Nguyễn Tuan M quen biết do bạn bè giới thiệu. Sau một thời gian liên lạc thư từ và điện thoại tìm hiểu, anh M có về Việt Nam 02 lần. Cuối năm 2008 thì hai người quyết định kết hôn. Anh M về Việt Nam. Chị và anh M đã đăng ký kết hôn và đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2008, số 3254.

Sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống khoảng 2 tuần tại Việt Nam. Anh M trở về Hoa Kỳ để làm việc và tiến hành các thủ tục đề bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ đoàn tụ. Sau khi anh M trở về Hoa Kỳ, hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng do anh M hay ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn. Từ năm 2009 đến nay, anh M không liên lạc với chị, không quan tâm chia sẻ tình cảm và cũng không làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ.

Nay cả hai đã cắt đứt liên lạc với nhau hơn 8 năm, khả năng đoàn tụ không còn. Chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Anh Nguyễn Tuấn M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng hình thức gửi qua dịch vụ bưu chính và đã được phát thành công đến người nhận nhưng anh M không có ý kiến trả lời.***

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được HĐXX thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin vắng mặt nên đề nghị HĐXX xử vắng mặt.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Các đương sự cắt đứt liên lạc đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Chị Nguyễn Thị Kiều A xin được ly hôn với anh M là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Không yêu cầu đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều A có đơn xin xét xử vắng mặt nên xử vắng mặt chị Kiều A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyen Tuan M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng hình thức gửi qua dịch vụ bưu chính và đã được phát thành công đến người nhận nhưng không có ý kiến và vắng mặt đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Kiều A, xét thấy:

Chị Kiều A và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Hiện chị Kiều A xác định, sau khi kết hôn, hai người chỉ liên lạc với nhau một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Anh Tuấn M không muốn liên lạc với chị nữa và cũng không làm thủ tục để bảo lãnh chị qua Hoa Kỳ chung sống. Hơn 8 năm qua, hai người không còn quan tâm, chia sẻ nên tình cảm phai nhạt.

Nay chị Kiều A khởi kiện xin được ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng dịch vụ bưu chính chuyển phát thành công đến người nhận nhưng anh M không có ý kiến chứng tỏ bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ hôn nhân với chị Kiều A. Do vậy, việc chị Kiều A cho rằng tình cảm cả hai không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại 89, 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Kiều A phải chịu án phí LHST là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 464, 474, 476, Khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Xin ly hôn” của chị Nguyễn Thị Kiều A.

Chị Nguyễn Thị Kiều A được ly hôn anh Nguyen Tuan M.

Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Kiều A đã nộp theo biên lai thu số 001169 ngày 14/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí chị Nguyễn Thị Kiều A phải chịu. Chị Nguyễn Thị Kiều A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kiều A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh Nguyen Tuan M được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Tuyền